

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Văn Mên
- Ông Nguyễn Tấn Sĩ

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Chí T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. (xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đặng Chí T trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân:* Vào năm 2014 anh và chị Tr quen biết nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, anh và chị Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng về Cà Mau sinh sống hơn 01 năm thì vợ chồng đi làm thuê tại Thành Phố Hồ Chí Minh, sau đó về sống tại Cà Mau, đến năm 2018 chị Tr trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và nộp đơn ly hôn anh tại Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau, quá trình giải quyết Toà án động viên thì vợ

chồng đoàn tụ tiếp tục đi làm thuê tại Thành Phố Hồ Chí Minh, thời gian này thì vợ chồng hay cãi vã nhau, anh T về Cà Mau sinh sống, chị Tr về Trà Vinh nên vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tr.

+ *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tr, mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Tr không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Chị Tr vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung không có, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn chị Nguyễn Thị Tr vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh T ly hôn chị Tr. Về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa anh T và chị Tr là tranh chấp về ly hôn; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị Tr.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Anh T và chị Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 01/12/2014 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh T và chị Tr là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của anh T xin ly hôn chị Tr, thì thấy rằng lời khai của anh T trong thời gian chung sống vợ chồng đã ở nhiều nơi để làm kinh tế gia đình, tuy nhiên có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng hay cãi vã nhau, năm 2020 vợ chồng ly thân cho đến nay, thời gian ly thân anh T và chị Tr không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không gặp nhau để thỏa thuận đoàn tụ, anh T trình bày không còn tình cảm với chị Tr; mặc khác qua xác minh của Tòa án thì cha chị Tr trình bày là sau khi cưới, vợ chồng sống ở Cà Mau một thời gian thì đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh, không biết mâu thuẫn thế nào mà chị Tr có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau, kết quả giải quyết ra sao ông cũng không rõ, hiện nay chị Tr đi làm thuê ở Thành Phố Hồ Chí Minh. Chị Tr biết việc anh T xin ly hôn, nhưng do đi làm nên chị Tr không về Tòa án giải quyết, mặc khác chị Tr theo đạo thiên chúa giáo không được phép ly hôn.

Về phía chị Tr biết việc anh T gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhưng chị Tr không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân của anh chị, điều đó chứng minh rằng chị Tr không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin ly hôn là tự nguyện có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] *Về con chung*: Anh T và chị Tr không có con chung nên không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Anh Đặng Chí T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tr.
- Về con chung: Anh T và chị Tr không có con chung nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh Đặng Chí T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0012565 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh